

Bản án số: 29/2024/HNGĐ - ST
Ngày 22/7/2024
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Thành
- Bà Vũ Thị Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2024/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị N, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn C, xã B, thành phố C, tỉnh H.

- Bị đơn: Anh Lục Văn T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn C, xã B, thành phố C, tỉnh H.

Chị N vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt), anh T vắng mặt (không có lý do).

- Những người làm chứng:

- Bà Vũ Thị Đ, sinh năm 1959
- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1945

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn trình bày: Chị N và anh T kết hôn ngày 30/3/2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã

B, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh H. Anh chị kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống ban đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì chị N đi làm ăn tại miền Nam đến năm 2018 thì chị N về quê. Do có mâu thuẫn từ trước đó nên khi quay trở về quê sinh sống chị N cũng không quay lại chung sống cùng anh T nữa. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân và không còn quan tâm nhau. Chị N đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn C, xã B sinh sống và không quay lại chung sống cùng với anh T nữa. Chị N xác định vợ chồng không thể đoàn tụ được, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài. Nay chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ: Chị N không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lục Văn T, trong quá trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, anh T có nói là cứ để Tòa án giải quyết nhưng anh Lục Văn T đều vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm của anh Lục Văn T trước yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị N. Hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có gửi công văn đến cục xuất nhập cảnh - Bộ Công an yêu cầu cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của anh Lục Văn T thì được trả lời tại công văn số 11913/QLXNC-P3 ngày 06/6/2024: Theo Cục quản lý xuất nhập cảnh quản lý: trường hợp Lục Văn T, sinh ngày 22/9/2074, CMND số: 142366447, sử dụng giấy thông hành số G0543818 để xuất cảnh ngày 03/3/2016 và nhập cảnh ngày 30/3/2016 qua cửa khẩu Hữu Nghị.

Bà Đ - mẹ đẻ chị N trình bày và xác nhận: Chị N và anh T kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, thị xã C, (nay là thành phố C), tỉnh H. Anh chị chung sống với nhau hòa thuận được 1 năm thì chị N đi miền Nam làm ăn đến năm 2018 mới về. Do thời gian dài không ở gần chị N nên bà không nắm được mâu thuẫn của anh chị. Chỉ từ khi chị N đi làm về và ở với bà thì bà mới biết anh chị có mâu thuẫn và sống ly thân. Nay chị N xin ly hôn anh T quan điểm của bà là hai anh chị đã không ở cùng nhau nữa bà đề nghị Tòa án căn cứ nguyện vọng của anh chị và căn cứ pháp luật để giải quyết. Anh chị không có con chung, về tài sản chung của anh chị bà không nắm được.

Bà B - mẹ đẻ anh T trình bày và xác nhận: Chị N và anh T kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, thị xã C, (nay là thành phố C), tỉnh H. Sau khi kết hôn anh chị về nhà riêng của anh T tại C, B chung sống. Anh chị chung sống được khoảng 1 năm thì chị N đi miền nam làm ăn, bà không nắm được mâu thuẫn của hai anh chị chỉ thấy hai anh chị có cãi nhau. Anh T có gọi điện cho chị N về nhà nhưng chị N không về. Nay chị N xin ly hôn anh T đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật giải quyết. Về con chung anh chị không có con chung, về tài sản chung bà không nắm được.

Qua xác minh với trưởng thôn C, xã B ông D cung cấp và xác định: Anh T và chị N có đăng ký kết hôn từ thời điểm trước khi ông làm trưởng thôn. Quá trình chung sống của anh chị có mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được. Thời gian đó anh T có đi huấn luyện quân, chị N về sinh sống với mẹ đẻ tại thôn C, xã B. Hiện chỉ có anh T sinh sống tại thôn C, xã B, anh T hiện làm công nhân tự do nên đi làm cả ngày tối mới về giờ giấc cụ thể địa phương không nắm được cụ thể. Nay chị N xin ly hôn anh T đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết. Anh chị không có con chung. Anh chị có tài sản chung riêng gì địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa:

Chị N và anh T vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Ngọc. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Dương Thị N được ly hôn với anh Lục Văn T. Về con chung: không có. Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết. Về án phí: chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Dương Thị N khởi kiện xin ly hôn đối với anh Lục Văn T có địa chỉ cư trú tại xã B, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Lục Văn T là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt, chị N vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N, anh T.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị N và anh Lục Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Ngay từ khi bắt đầu sinh sống, anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng về việc sinh hoạt hằng ngày. Anh chị không còn quan tâm gì đến nhau cả về tình cảm lẫn kinh tế từ năm 2012 đến nay. Xét mâu thuẫn vợ chồng chị N anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận cho chị N được ly hôn anh T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Không có, không yêu cầu.

2.3]. Về quan hệ tài sản, nợ: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.5]. Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị N.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị N ly hôn anh Lục Văn T.
- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không đặt giải quyết.

Về án phí: Chị Dương Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị Ngọc đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu ký hiệu: BLTU/23 số: 0003947 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- UBND xã Bắc An, thành phố Chí Linh (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Vân Anh